TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày 19 - 5 - 2022.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Chế

2. Bà Triệu Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST- DSTC, ngày 14 tháng 10 năm 2021 về viêc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DSTC ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QDST-DSTC ngày 12/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Tòa nhà Thaiholdings Tower, 210, đường T, phường C, quận H, Hà Nội; đại diện theo pháp luật ông P - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc; Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang (QĐ ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt về việc ủy quyền hoạt động tố tụng đối với giám đốc Chi nhánh); ĐD theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức N - Phó Giám đốc (QĐ ủy quyền số 1200/2021/QĐ-LPBHG-GĐ ngày 05/10/2021của Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang), có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Mai Thúy H; địa chỉ: Tổ 11, phường M, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2021 và quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Hà Giang (sau đây viết tắt NHBĐ - CNHG) trình bày: Ngày 23/12/2016 NH BĐ-CNHG và bà Mai Thúy H đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2469/TDH/2016. Theo nội dung của hợp đồng NHBĐ- CNHG đồng ý cho bà H vay số tiền 140.000.000,đ (*Một trăm bốn mười triệu đồng*), mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong 3 tháng đầu tiên là 12%/năm, từ tháng tứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ quy định của Ngân hàng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình, loại cho vay không có bảo đảm. Tại thời điểm vay tiền bà H đang công tác tại Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch Q, tỉnh Hà Giang, bà H có ủy quyền cho đơn vị nơi công tác chuyển tiền lương và các khoản thu nhập theo lương vào tài khoản của cán bộ mở tại NHBĐ - CNHG để trả nợ cho ngân hàng, đồng thời ông Nguyễn Văn T là chồng của bà H cùng ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ và để phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng từ tháng 5/2021. NHBĐ- CNHG đã nhiều lần yêu cầu bà H đến giải quyết nhưng bà H trốn tránh không hợp tác để trả khoản nợ chưa thanh toán. Tính đến ngày 05/10/2021 bà H còn nợ số tiền gốc là 20.660.000, lãi dự thu là 995.449đ; lãi phạt gốc là: 586.850đ; tổng số gốc + lãi là: 22.242.299đ.

* Bị đơn bà Mai Thúy H: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà H không đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T xác nhận, bà H (vợ ông) có vay tiền của NHBĐ- CNHG là đúng, ông thừa nhận ông đã ký cam kết cùng trả nợ cho khoản vay nêu trên của bà H. Tuy nhiên, do bà H vay nợ nhiều nơi dẫn đến việc không có khả năng trả nợ, thu nhập của ông cũng đang bị ngân hàng khác khấu trừ, nên hiện nay ông không có khả năng để trả ngay số nợ còn lại của bà H cho NHBĐ- CNHG được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, do trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã trả được một số tiền gốc, cụ thể, ngày 14/3/2022 trả số tiền 4.680.000đ; ngày 14/5/2022 trả số tiền 5.000.000đ. Đến nay, nguyên đơn yêu cầu bà H và ông T phải trả số tiền nợ còn lại tính đến ngày xét xử 19/5/2022, nợ gốc: 10.660.000, lãi chậm trả gốc là:2.574.582đ; lãi quá hạn: 1.113.255; lãi chậm trả lãi là: 170.593đ; tổng số gốc + lãi là: 14.518.430đ.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong qúa trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến

hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tung quy định tại Điều 70, 72, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 73 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 282, 288, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H và ông T phải trả số tiền nợ là 14.518.430đ; trong đó nợ gốc: 10.660.000, lãi chậm trả là: 2.574.582đ; lãi quá hạn là:1.113.255; lãi chậm trả lãi: 170.593đ và lãi phát sinh kể từ ngày 20/5/2022 cho đến khi bà H và ông T trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Buộc bà H và ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho NHBĐ– CNHG theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP BĐ - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Mai Thúy H; địa chỉ: Tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; ông Nguyễn Văn T; đại chỉ: Thôn S, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Bị đơn bà Mai Thúy H, vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà H ông T theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng BĐ - CNHG cho bà H vay số tiền 140.000.000,đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình. Như vậy, xác định tranh chấp là hợp đồng tín dụng và

là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, 357 BLDS năm 2015.

[4]. Về nội dung: Ngày 23/12/2016 NHBĐ - CNHG và bà Mai Thúy H đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2469/TDH/2016, theo nội dung của hợp đồng NHBĐ Liên Việt-CNHG cho bà H vay số tiền 140.000.000,đ (*Một trăm bốn mười triệu đồng*), mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong 3 tháng đầu tiên là 12%/năm, từ tháng tứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ quy định của Ngân hàng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị đồ dùng sinh hoạt gia đình, loại cho vay không có bảo đảm. Tại thời điểm vay tiền bà H đang công tác tại Trung tâm Thông tin xúc tiến Du lịch Q, tỉnh Hà Giang, bà H có ủy quyền cho đơn vị nơi công tác chuyển tiền lương và các khoản thu nhập theo lương vào tài khoản của cán bộ mở tại NHBĐ- CNHG để trả nợ cho ngân hàng, đồng thời ông Nguyễn Văn T là chồng của bà H cùng ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay nêu trên. Như vậy, xác định được hợp đồng tín dụng số 2469/TDH/2016 ngày 23/12/2016 được ký kết giữa NHBĐ với bà H là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

[5]. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ và để phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng từ tháng 5/2021. NHBĐ- CNHG đã nhiều lần yêu cầu bà H đến giải quyết nhưng bà H trốn tránh không hợp tác để trả khoản nợ chưa thanh toán. Tính đến ngày 19/5/2022 bà H còn nợ số tiền gốc là 10.660.000, lãi dự thu là 2.574.582đ; lãi quá hạn là: 1.113.255đ; lãi chậm trả: 170.593đ; tổng số gốc + lãi là: 14.518.430đ.

[6]. Xét yêu cầu của NHBĐ đề nghị bà H ông T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi suất chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 2469/TDH/2016 ngày 23/12/2016, bà H đã vay được tiền nhưng không trả nợ theo thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn trả cả gốc và lãi từ tháng 02/2019, vi phạm nội dung thỏa thuận tại Điều 4 của HĐ tín dụng. Khi vay tiền ông T (chồng bà H) đã cùng ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ với bà H cho khoản vay tại ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án ông T thừa nhận có được ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ và xác nhận khoản vay của bà H tại ngân hàng BĐ là khoản vay chung của vợ chồng. Do bà H vi phạm hợp đồng nên NHBĐ khởi kiện đòi nợ trước thời hạn là có căn cứ, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nên NHBĐ yêu cầu bà H và ông T trả khoản tiền nợ chưa thanh toán là phù hợp nên chấp nhận. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, 357 BLDS năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHBĐ buộc bà H và ông T phải có trách nhiệm liên đới mỗi người trả 1/2 số nợ cho NHBĐ tính đến ngày xét xử 19/5/2022 cụ thể số dư nợ gốc: là 10.660.000, lãi dự thu là 2.574.582đ; lãi quá hạn là: 1.113.255đ; lãi chậm trả: 170.593đ; tổng số gốc + lãi là: 14.518.430đ, trong đó phần của bà H phải trả là 7.259.215đ, phần của ông T phải trả là 7.259.215đ và lãi phát sinh tương ứng kể từ ngày 20/5/2022 cho đến khi bà H ông T trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

[6]. Bị đơn bà H, ông T vắng mặt tại phiên tòa, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà H ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, Điều 357 - Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP BĐ - Chi nhánh Hà Giang, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Xử: Buộc bà Mai Thúy H và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới mỗi người trả 1/2 số nợ cho Ngân hàng TMCP BĐ- Chi nhánh Hà Giang, cụ thể số tiền nợ gốc + lãi là 14.518.430đ (*Mười bốn triệu năm trăm mười tám nghìn bốn trăm ba mươi đồng*); trong đó phần của bà H phải trả là 7.259.215đ, phần của ông T phải trả là 7.259.215đ và lãi phát sinh tương ứng kể từ ngày 20/5/2022 cho đến khi bà H ông T trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Bà Mai Thúy H và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 362.960đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. .
- Trả lại cho NHBĐ- Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 2.193.715đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0000579 ngày 14/10/2021 (do Nguyễn Hồng N nộp).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có QLNVLQ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thanh Bình

Nơi nhận:
-VKSND thành phố.
-Các đương sự.
-CC THADS TP.
-Lưu HS.
-Lưu bộ phận